

Bản án số: 69/2018/HSPT
Ngày 09 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Các Thẩm phán: Ông Tạ Quốc Việt

Ông Phạm Trung Dũng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình, Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/HSPT ngày 20/3/2018 đối với bị cáo Trần Phước Đ có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Phước Đ, sinh năm 1992 tại tỉnh Hậu Giang; HKTT: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; đăng ký tạm trú tại: Tổ 4, khu phố V, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; cha: Trần Văn G; mẹ: Trịnh Thị Kim L (đã chết); vợ: Phan Thị Kim N; con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phước Đ và Phan Lê Hồng P có mối quan hệ quen biết. Khoảng cuối tháng 8/2017 anh P đến quán cà phê K của Đ tại khu phố Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu uống nước gặp và kể cho Đ nghe về việc anh đang bị khởi tố về tội “Trộm

cấp tài sản”. Anh P hỏi Đ có quen biết ai ở Công an huyện T lo giúp P không phải ở tù. Nghe xong, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của P nên nói có anh C làm ở Công an huyện T. Đ nói sẽ nhờ anh C lo giúp việc của P và P phải đưa cho Đ 15.000.000 đồng. Anh P đồng ý. Đến ngày 15/9/2017, anh P đến quán cà phê K đưa cho Đ 15.000.000 đồng. Đ hẹn hai tuần sau sẽ thông báo kết quả cho anh P biết. Sau khi nhận tiền, Đ đem tiền cho vợ là Phan Thị Kim N cất giữ. Nghi ngờ Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 09/10/2017 anh P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo sự việc. Tại Cơ quan điều tra, Đ đã thừa nhận toàn bộ sự việc như trên và giao nộp số tiền 15.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao trả số tiền thu giữ 15.000.000 đồng của Đ để trả cho anh P theo quyết định xử lý vật chứng số 94/QĐ ngày 20/10/2017.

Đối với Phan Thị Kim N do không biết nguồn gốc số tiền 15.000.000 đồng nên không cấu thành tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Phước Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt: Bị cáo Trần Phước Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/02/2018 bị cáo Trần Phước Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã phân tích, kết luận toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Từ đó cho rằng, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp; nên đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; sau khi nghe quan điểm Kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Đơn kháng cáo của bị cáo Đ gửi trong thời hạn quy định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định như sau: Khoảng cuối tháng 8/2017, anh P đến quán cà phê K của Đ tại khu phố Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu uống nước gặp và kể cho Đ nghe về việc P đang bị khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”. Nghe xong, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của

P nên nói có anh C làm ở Công an huyện T. Đ nói sẽ nhờ anh C lo giúp việc của P và P phải đưa cho Đ 15.000.000 đồng. Anh P đồng ý. Đến ngày 15/9/2017 anh P đến quán cà phê K đưa cho Đ 15.000.000 đồng. Đ hẹn hai tuần sau sẽ thông báo kết quả cho anh P biết. Sau khi nhận tiền, Đ đem tiền cho vợ là Phan Thị Kim N cất giữ. Từ hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Phước Đ thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, mức án 06 tháng tù do sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Xét kháng cáo và đơn do bị cáo xuất trình nội dung: Sau khi vụ án xảy ra vợ bị cáo bỏ đi, hiện bị cáo phải trực tiếp nuôi 2 con nhỏ (sinh năm 2012 và 2014), đơn có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi giao trả cho bị hại; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hiện phải nuôi 2 con nhỏ. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân biết tuân theo pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1, điều Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo bị cáo Trần Phước Đ; sửa Bản án sơ thẩm 17/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Phước Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: **Trần Phước Đ 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09/5/2018).

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người phải thi hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đ không phải chịu.
4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PV 27 Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh BR-VT;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện T;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Ngọc Thiện